

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC QUYỂN 3

Phẩm 3: CHỨNG TỊNH, Phần 2

Tăng ở đây chính là các chúng đệ tử Phật. Ở đây sẽ chỉ bày rõ ràng về sự tụ họp, sự sâu kín (uẩn), các bộ phận, và các nghĩa tóm tắt (yếu lược).

Dự lưu hương, tức là đã được đạo không gián đoạn và có thể chứng quả Dự lưu. Người này ở thế gian, đối với các tham dục và giận dữ trong cõi Dục, trước đây chưa thể đoạn dứt được nhiều phần trong các thứ vừa kể, đối với bốn pháp Thánh đế trước đây cũng chưa hiện rõ quán, thì nay đã hiện rõ quán nên gọi là Dự lưu hương.

Quả Dự lưu, là ở trong hiện pháp đối với ba kết đã đoạn dứt và biết khắp, nhưng còn thân kiến và còn nghi ngờ về giới cấm thủ. Người này đang làm việc đoạn trừ các thứ đó, nên chưa thể tiến đến việc cầu mong chứng được quả Nhất lai, nên gọi là quả Dự lưu.

Nhất lai hương, tức là đã được đạo không gián đoạn, có thể chứng được quả Nhất lai, là trong sự liên tục không gián đoạn để chứng quả Nhất lai, thì người này đối với các thứ tham dục giận dữ ở cõi Dục, do con đường ở thế gian hoặc trước đây đã đoạn dứt được nhiều phần các thứ, và trước đây chưa hiện rõ quán bốn pháp bốn Thánh đế thì nay đã tu tập hiện rõ quán, hoặc đã trụ vào quả Dự lưu rồi nên có thể tiến đến việc cầu chứng được quả Nhất lai, nên gọi là Nhất lai hương.

Quả Nhất lai là ở trong hiện pháp đối với ba thứ kết đã đoạn dứt và biết khắp, đã đoạn trừ được rất nhiều phần các thứ tham dục, giận dữ. Vì người này đang làm việc đoạn trừ, chưa thể tiến cầu chứng quả Bất hoàn, nên gọi là quả Nhất lai.

Bất hoàn hương, tức là đã được đạo không gián đoạn, có thể chứng được quả Bất hoàn. Nghĩa là trong đạo liên tục không gián đoạn để chứng được quả Bất hoàn, thì người này đối với các thứ tham dục giận dữ ở cõi Dục, do con đường ở cõi thế gian, mà trước đây đã dứt

hắn, nhưng đối với bốn Thánh đế trước đây chưa hiện rõ quán thì nay đang tu hiện rõ quán, hoặc đã trụ vào quả Nhất lai rồi, nên có thể tiến đến cầu được chứng quả Bất hoàn, nên gọi là Bất hoàn hưởng.

Quả Bất hoàn, là ở trong hiện pháp đối với năm thứ kiết thuận phần dưới đã đoạn dứt thì biết khắp. Nhưng còn thân kiến còn nghi ngờ về giới cấm thủ và tham dục giận dữ, thì người này đang làm việc đoạn trừ các thứ đó, nên chưa thể tiến cầu chứng được quả vị A-la-hán. Nên gọi là quả Bất hoàn.

A-la-hán hưởng, tức là đã được đạo không gián đoạn, có thể chứng được quả A-la-hán, là trong sự liên tục không gián đoạn này để chứng được quả A-la-hán cao quý nhất. Hoặc người này đã trụ vào quả Bất hoàn rồi nên có thể tiến cầu để chứng quả A-la-hán, nên gọi là A-la-hán hưởng.

Quả A-la-hán, là ở trong hiện pháp (hiện đời) các tham-sân-si v.v..., tất cả các phiền não đều đã đoạn trừ hết, nên gọi là quả A-la-hán.

Nói bốn đôi Bồ-đặc-già-la là Dự lưu hưởng, quả Dự lưu là đôi thứ nhất. Nhất lai hưởng và quả Nhất lai là đôi thứ hai. Bất hoàn hưởng và quả Bất hoàn là đôi thứ ba. A-la-hán hưởng và quả A-la-hán là đôi thứ tư.

Nói tám thứ riêng lẻ Bồ-đặc-già-la, là làm sáng tỏ, tách biệt rõ ràng các cấp bậc như Dự lưu hưởng, các Bồ-đặc-già-la, tám chúng đệ tử Phật mỗi thứ riêng biệt khác nhau, tức là chỉ bày rõ ràng các thứ công đức cao quý tốt đẹp của chúng đệ tử Phật.

Giới hạnh đầy đủ, là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các giới học và vô học.

Định cụ túc (đầy đủ) là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các định học và vô học.

Tuệ đầy đủ là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các trí tuệ học và vô học.

Giải thoát đầy đủ là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các giải thoát học và vô học.

Giải thoát tri kiến đầy đủ là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các giải thoát tri kiến học và vô học.

Nói đáng mời thỉnh là kính tặng, dâng biểu, đáng cung kính cúng dường, đáng thờ kính cúng tế. Cho nên gọi là đáng mời thỉnh.

Nói đáng quy phục nghĩa là đã kính dâng biểu tặng và khéo léo kính dâng biểu tặng cung kính cúng dường, kính lễ hiến cúng khéo léo,

dù công lao ít nhưng thâm nhận được nhiều kết quả lợi ích lớn lao. Cho nên gọi là đáng quy phục.

Đáng cung kính là đối với họ dù quen biết hay không quen biết thì đều nên đứng lên trân trọng đón tiếp, khom mình chấp tay cúi đầu, rạp mình đánh lễ dưới chân các vị Thánh Tăng mà khen ngợi thăm hỏi: Sự đi đứng hành đạo của các vị có được an lạc chăng? Đó gọi là cung kính.

Nói là vô thượng, như Đức Thế Tôn bảo chúng Bí-sô: Tất cả mọi bộ phận chủng loại trong đại chúng đều hòa hợp. Các chúng đệ tử Phật là cao quý bậc nhất, rất đáng tôn quý kính trọng hơn cả, là tốt bậc tối thượng không ai trên được nữa, nên gọi là vô thượng.

Nói phước điền (ruộng phước), như Đức Thế Tôn bảo với A-nan-đà: Ta chưa hề thấy có các chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn v.v..., cùng hàng trời, người đáng được thọ nhận các sự ban ân bố thí, đã làm rồi khéo léo làm thêm, đã cúng dường rồi thì càng khéo giỏi cúng dường thêm, đã cúng kiến tế tự rồi thì càng khéo giỏi cúng kiến tế tự nhiều hơn..., như hàng Tăng chúng của Ta. Nay A-nan nên biết: Nếu đối với các Tăng chúng của Ta mà đã ban tặng cúng thí cúng dường hiến cúng tế tự và lại càng khéo giỏi ban tặng cúng thí, cúng dường, hiến cúng tế tự..., thì công lao tuy ít nhưng lợi ích quả báu thâm nhận được hết sức lớn. Lại như vị Thiên đế lên tận đỉnh núi Linh Thứu dùng kệ vi diệu khen ngợi hỏi han:

*Lễ bậc biện thuyết giỏi,
Pháp giúp đến bờ kia,
Vượt hết oán sợ hãi,
Đại Kiều-đáp-ma tôn.
Có vô lượng chúng sinh,
Ham phước tu bố thí,
Thường phát chí tín thành,
Tu các phước hữu y.
Mong Phật rũ lòng thương,
Nói phước điền cao quý,
Để vô lượng chúng sinh,
Thí ít được phước nhiều.*

Vì thương xót tất cả chúng sinh nên Đức Thế Tôn cũng dùng kệ đặc biệt bảo với Thiên đế:

*Nếu vô lượng chúng sinh,
Ham phước tu bố thí,*

*Luôn phát tâm thành tín,
Mà tu phước hữu y.
Nay Ta vì các vị,
Chỉ ruộng phước quý báu,
Khiến vô lượng chúng sinh,
Thí ít, được báu lớn.
Nếu tu bốn hướng Thánh,
Và trụ bốn quả Thánh,
Là Tăng đáng cúng dường,
Giới, định, tuệ quý, đủ.
Ruộng Tăng cao quý này,
Công đức rất rộng lớn,
Hay thấm nhuần vô lượng,
Như nước bốn biển cả.
Đệ tử quý của Phật,
Đã sinh pháp sáng suốt,
Kham nhận cúng dường quý,
Và thọ cúng kính hơn.
Chỉ thí ít vị Tăng,
Tức thí tất cả Tăng,
Nên được quả báu lớn,
Các bậc trí khen ngợi.
Trong các loại ruộng phước,
Ruộng Tăng quý hơn cả,
Chư Phật đều ngợi khen,
Thí được phước cao tột.
Đối chúng đệ tử Phật,
Thí ít mà phước lớn,
Nên những kẻ sáng suốt,
Nên cúng dường chúng Tăng.
Thánh chúng trì pháp diệu,
Đủ Minh Hạnh Đẳng trí,
Nên đối với Tăng bảo,
Bố thí thù thắng nhất.
Dùng ba thứ tịnh tâm,
Cúng dường Tăng ăn mặc,
Tất được báo vi diệu,
Là Thiện sĩ trời người.*

*Sống trong định phát sinh,
Lìa tên độc, bụi nhơ,
Thoát khỏi các đường dữ,
Hưởng vui cõi trời người.
Mình gom tiền, vật báu,
Chính tay mình bố thí,
Vì lợi mình và người,
Tất được quả báo lớn.
Có những kẻ sáng suốt,
Tâm tịnh tín bố thí,
Sẽ sinh vào cõi An lạc,
Hưởng vui quý thông minh.*

Do nói như thế nên gọi là ruộng phước.

Đáng được đời ứng cúng là các đệ tử Thánh hay làm sạch, làm thanh tịnh thế gian, nên đáng cúng dường mọi thứ. Đã làm việc cúng thí thì ba nghiệp thân, miệng, ý được thanh tịnh. Cho nên gọi là đáng được đời ứng cúng.

Nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế mà theo đó nghĩ nhớ đến các chúng Tăng (Tăng già). Do thấy làm căn bản, có chứng trí tương ứng với các niềm tin và có tính chất tin tưởng, tính chất tin tưởng hiện tiền, luôn biết tùy thuận chấp nhận, luôn có lòng ái mộ, đầy đủ tính chất ái mộ. Tâm trí luôn lắng yên, tâm trí luôn thanh tịnh. Đó gọi là Tăng chứng tịnh.

Nếu ai luôn luôn đối với các điều đó mà khuyên bảo khích lệ, an lập tạo nên..., thì nên biết đó gọi là Tăng chứng tịnh.

Nếu ai luôn luôn đối với các điều đó mà khuyên bảo khích lệ, an lập tạo nên..., thì nên biết đó gọi là dùng mọi phương tiện mà khuyên bảo khích lệ an lập khiến cho mọi người được trụ vào Tăng chứng Tịnh.

Thế nào là Thánh quý trọng giới luật? Nghĩa là thân luật nghi, ngữ luật nghi và có đời sống thanh tịnh đều vô lậu, thì gọi là Thánh quý mến giới luật.

Vì sao nói là Thánh quý trọng giới luật? Là chư Phật và các đệ tử Phật thì gọi là Thánh? Vì người đó tuân hành giới luật, ham thích, ái mộ, vui mừng, thuận theo không hề trái nghịch, nên gọi là Thánh quý mến giới hạnh.

Nếu có thể với điều đó mà dùng lời khuyên bảo khích lệ lập nên, thì phải biết đó gọi là dùng đủ các phương tiện để khuyên bảo khuyến

khích an lập, khiến mọi người đều trụ vào chỗ Thánh quý mến giới luật, giới hạnh.

Phẩm 4: QUẢ SA MÔN

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm ngụ trong vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn quả Sa-môn, đó là quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán.

1. Thế nào là quả Dự lưu? Quả Dự lưu tóm tắt có hai thứ: Hữu vi và vô vi.

Quả Dự lưu hữu vi, là chứng được quả đó và chứng được cái được đó, do các thứ căn -lực hữu học, thi la hữu học, pháp thiện hữu học, tám pháp hữu học và những chủng loại của tất cả pháp hữu học. Đó gọi là Dự lưu hữu vi.

Quả Dự lưu vô vi, là ở đây thì ba thứ kết đã được đoạn dứt và các chủng loại của tất cả kết pháp đã đoạn dứt, tức là đã đoạn dứt được 88 thứ tùy miên và những chủng loại của tất cả các kết pháp đã đoạn dứt. Đó gọi là quả Dự lưu vô vi.

2. Thế nào là quả Nhất lai? Quả Nhất lai tóm tắt có hai thứ: Tức là hữu vi và vô vi.

Quả Nhất lai hữu vi, tức là được quả và được những điều do các thứ căn -lực hữu học, thi la (giới luật) hữu học, pháp thiện hữu học, tám pháp hữu học và những chủng loại của tất cả các pháp hữu học. Đó gọi là Nhất lai hữu vi.

Quả Nhất lai vô vi, nghĩa ở trong này là đã đoạn dứt được ba thứ kết và những chủng loại của các kết pháp đã đoạn dứt, tức là tám mươi tám thứ tùy miên đã đoạn dứt cùng những chủng loại của các kết pháp đã đoạn cũng như phần lớn các tham sân si đã đoạn và các chủng loại kết pháp phần lớn đã đoạn dứt. Đó gọi là quả Nhất lai vô vi.

3. Thế nào là quả Bất hoàn? Quả Bất hoàn tóm tắt có hai thứ: Tức là hữu vi và vô vi.

Quả Bất hoàn hữu vi, tức là được quả và được những điều do các thứ căn -lực hữu học, thi la hữu học, pháp thiện hữu học, tám pháp hữu học, và những chủng loại của các pháp hữu học. Đó là quả Bất hoàn hữu vi.

Quả Bất hoàn vô vi, nghĩa ở đây thì năm kiết thuận phần dưới đã

bị đoạn dứt, và những chủng loại của các kết pháp đã vĩnh đoạn, tức là vĩnh đoạn chín mươi hai pháp tùy miên, cùng những chủng loại của các kết pháp đã vĩnh đoạn. Đó gọi là quả Bất hoàn vô vi.

4. Thế nào là quả A-la-hán? Quả A-la-hán tóm tắt cũng có hai thứ là vô vi và hữu vi.

Quả A-la-hán hữu vi, tức là được quả và được những điều do các thứ căn và lực vô học, thi la vô học, pháp thiện vô học, pháp thiện vô học, mười. pháp vô học, và những chủng loại của các pháp vô học. Đó là quả A-la-hán hữu vi.

Quả A-la-hán vô vi, nghĩa ở đây thì tham-sân-si, tất cả các phiền não đều đã vĩnh đoạn, thoát khỏi tất cả cõi, đoạn dứt tất cả đường, ba thứ lửa vắng lặng, vượt hẳn bốn dòng lũ cuồng bạo, các thứ kiêu ngạo, sống phóng túng đều lìa xa, sự tiêu khát (thèm muốn khao khát như lửa) cũng tiêu hết, các hang hầm nhà cửa đều bị phá sạch, rốt ráo vô thượng, tịch tĩnh yên lặng tốt đỉnh, sự dứt trừ ái nhiễm cũng cao tốt, lìa bỏ, diệt độ và Niết-bàn. Thế nên gọi là A-la-hán.

Phẩm 5: THÔNG HẠNH

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bì-sô: Có bốn thứ Thông hạnh. Bốn thứ đó là gì? Đó là:

1. Khổ trì thông hạnh.
2. Khổ tốc thông hạnh.
3. Lạc trì thông hạnh.
4. Lạc tốc thông hạnh.

- Thế nào là khổ trì thông hạnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, có nhiều vị Bì-sô thủ chấp năm uẩn nên đã gây ra bao nhiêu sự nhục nhã, gây hại, chê bai. Do nhân tố đó mà thủ chấp năm uẩn càng bức bách ép ngặt trói chặt giống như bị mang một cái ách hết sức nặng nề. Mãi cho đến lúc chết thì cái ách ấy vẫn đeo đẳng mãi không thôi. Vậy phải đối với thủ chấp năm uẩn đó, hãy nên chán sợ thật sâu xa, phải luôn chê trách chống cự kịch liệt..., thì sẽ sinh chán sợ, chê bai, chống cự trái nghịch lại với năm uẩn.

Ở đây gọi là khổ, là do điều này mà có sự mê mờ dần dần yếu kém đối với năm căn tín y. Vì có năm căn mê mờ dần dần yếu kém, nên đã làm chậm lại việc chứng đắc quả lậu tận vô thượng.

Nói là trì (chậm chạp) tức là không nhanh chóng mau lẹ dễ dàng, không nhanh chóng được chứng đắc.

Nói vô thượng, như Thế Tôn đã nói, đối với các pháp hữu vi và vô vi, Ta nói việc lìa nhiễm là cần thiết bậc nhất, rất đáng tôn đáng quý, cao tốt bậc nhất. Đối với pháp vô thượng, có thể được, theo đó mà được, hay tiếp được tất cả những cái cần tiếp xúc và có khả năng chứng được bằng chính mình, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận, lậu tức là ba thứ lậu: Dục, hữu và vô minh. Đối với ba lậu đó đã có thể đoạn dứt, thật hết, đều hết, hết khắp, hết vĩnh viễn, diệt hết một cách toàn vẹn, nên nói là lậu tận.

Nói thông hạnh, tức là hạnh này vượt thoát một cách mạnh mẽ nhanh chóng, siêng năng cần mẫn, ham muốn cao độ, đối với bốn Thánh đế mà tu hạnh hiện rõ quán. Đối với các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thì tu hạnh chứng lấy. Đối với tham sân si kiêu mạn, cấu bẩn lỗi lầm v.v..., thì tu hạnh vĩnh đoạn tất cả. Do rất cung kính an trụ, ân cần, trân trọng suy nghĩ, khắp nhiếp các thứ tâm sở xong rồi, do nhân tố đó, môn đó, lý đó, tướng đó mà tu hạnh thông đạt. Thế nên gọi là khổ trì thông hạnh. Lại làm hạnh đó, thì đối với nghĩa mong cầu, do tu tập càng tu tập nhiều hơn, nên hay được tùy theo mà được, tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giới chứng được bằng chính mình. Đó gọi là khổ trì thông hạnh. Lại hạnh như thế, do lời thêm lời, do tướng đều tướng, đặt ra mà nói là khổ trì thông hạnh. Thế nên nói là khổ trì thông hạnh.

- Thế nào là khổ tức thông hạnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Có các Bí-sô do thủ chấp năm uẩn đã gây bao nhiêu nhục nhã, gây hại, chê bai. Do nhân tố đó mà năm uẩn càng bức bách, ép ngặt, trói chặt giống như phải mang một cái ách hết sức nặng nề. Cho đến lúc chết, cái ách ấy vẫn đeo đẳng mãi không thôi. Vậy đối với năm uẩn đó, hãy nên chán sợ thật sâu xa, phải luôn chê trách chống cự kịch liệt..., thì sẽ sinh chán sợ chê bai, chống cự trái nghịch lại với năm uẩn. Ở đây gọi là khổ, là do điều này liền có sự sáng suốt lạnh lợi, mạnh mẽ đầy tràn về năm căn như tín v.v... Với năm căn sáng suốt lạnh lợi mạnh mẽ đầy đủ, cho nên khiến nhanh chóng chứng được lậu tận vô thượng.

Đây nói là mau (tốc). Tức là nhanh chóng mau lẹ dễ dàng có thể chứng đắc.

Nói vô thượng, như Thế Tôn có nói: Đối với các pháp hữu vi và vô vi, Ta nói việc lìa nhiễm là cần thiết bậc nhất, rất đáng tôn quý, cao tốt bậc nhất. Đối với pháp vô thượng có thể được, theo đó mà được (tùy

đắc), giỏi tiếp xúc với tất cả tiếp xúc, giỏi chứng được cái chính mình chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận, lậu tức là ba thứ lậu: Dục, hữu, vô minh. Đối với ba lậu đó đã có thể đoạn dứt, thật hết, đều hết, khắp hết, hết vĩnh viễn, diệt hết một cách toàn vẹn, nên nói là lậu tận.

Nói thông hạnh, tức là hạnh này là vượt thoát một cách mạnh mẽ mau lẹ, siêng năng cần mẫn, ham muốn cao độ, đối với bốn Thánh đế mà tu hạnh hiện rõ quán. Đối với các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thì tu hạnh tác chứng. Đối với tham sân si, kiêu mạn, cấu bần lõi lầm v.v..., thì tu hạnh đoạn dứt tất cả. Do rất cung kính an trụ, ân cần trân trọng suy nghĩ, khắp nhiếp các thứ tâm sở xong rồi, do nhân tố đó, môn đó, ý đó, tướng đó, mà tu hạnh thông đạt. Thế nên gọi là khổ tức thông hạnh. Lại cái hạnh như thế, thì đối với ý nghĩa mong cầu do tu tập, càng tu tập nhiều hơn, nên hay được tùy theo mà được, tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giỏi chứng được tác chứng. Thế nên gọi là khổ tức thông hạnh. Lại hạnh như thế, do lời thêm lời, do tướng đều tướng, đặt ra mà nói là khổ tức thông hạnh. Thế nên nói là khổ tức thông hạnh.

- Thế nào gọi là lạc trì thông hạnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Có nhiều vị Bích-sô đã lìa dục và các pháp xấu ác chẳng thiện, có tâm có tứ, ly sinh hỷ lạc. Bấy giờ an trụ đầy đủ vào bậc sơ thiền, tâm tứ đều dứt, bên trong tâm luôn một cõi an tịnh, định sinh hỷ lạc. Rồi an trụ đầy đủ vào nhị thiền, lìa mừng vui mà trụ vào buông xả, chánh niệm chánh tri, thân nhận được sự hoan lạc của Phật đã nói, niệm buông xả đầy đủ, trụ vào an lạc. Rồi an trụ đầy đủ vào bậc tam thiền, bấy giờ đã đoạn dứt khổ và vui, các sự mừng vui trước đây đều tiêu mất không còn khổ hay vui, niệm buông xả được thanh tịnh. Và an trụ đầy đủ vào tứ thiền. Bấy giờ người đó không còn nghĩ đến việc hại mình, hại người hay mình người đều bị tổn hại, mà nghĩ về việc làm lợi cho mình, lợi người, lợi cho tất cả mọi người trong nhiều đời, luôn đem lại niềm vui vẻ an lạc cho tất cả mọi người, luôn thương xót tất cả cõi thế gian mà làm những việc có ý nghĩa lợi ích an lạc cho hàng trời, người và không tổn hại cho tất cả.

Trong này gọi là lạc (vui), nghĩa là do điều này đã khởi lên, đã có sự mê muội dần dần, yếu kém về các tín, tấn, niệm, định, tuệ năm căn. Với năm căn mê muội dần dần yếu kém như thế, nên hay làm trì trệ chậm lại việc chứng được các lậu tận vô thượng.

Trì (chậm) nói ở đây, tức là không nhanh chóng mau lẹ dễ dàng, không nhanh chóng chứng đắc đạo quả.

Nói vô thượng, như Thế Tôn nói: Đối với các pháp hữu vi và vô vi thì Ta nói sự lìa nhiễm là cần thiết bậc nhất, rất đáng tôn quý, cao cả tột bậc. Đối với pháp vô thượng đều có thể được, tùy được, đều tiếp xúc với mọi tiếp xúc, có thể chứng được tác chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận, lậu là ba lậu: Dục hữu, vô minh. Đối với ba thứ lậu đó thì đã đoạn dứt hết, thật hết, đều hết, khắp hết, hết vĩnh viễn, diệt hết một cách vẹn toàn. Nên gọi là lậu tận.

Nói thông hạnh, là với hạnh này thì vượt thoát mạnh mẽ siêng năng cần mẫn, ham muốn cao độ đối với bốn Thánh đế mà tu hạnh hiện rõ quán. Đối với các quả vị Bất hoàn, A-la-hán mà tu hành tác chứng. Đối với các thần thông tác chứng trí cảnh (trí biến hóa thần thông) và trí chứng thiên nhĩ thông, trí thần thông hiểu biết tâm ý khác nhau của mọi người (tha tâm thông), trí thông suốt nghĩ nhớ rõ ràng các đời kiếp quá khứ của mình và của mọi người, trí rõ biết thấu suốt mọi lẽ tử sinh, trí đã dứt trừ hết các lậu..., mà tu hành tác chứng. Đối với tham sân si kiêu mạn, cấu bần v.v..., đều tu hạnh đoạn dứt. Do rất mực cung kính, an trụ, ân cần trân trọng tư duy nên khắp nhiếp, làm chủ được mọi tâm sở. Do nhân tố đó, pháp môn đó, lý nghĩa đó, cái tướng đó mà tu hạnh thông đạt, nên gọi là Lạc trì thông hạnh. Lại với hạnh như thế, đối với ý nghĩa mong cầu do tu tập, tu tập càng nhiều hơn nên hay được, giỏi tùy được, giỏi tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giỏi chứng được tác chứng. Do đó mà gọi là Lạc trì thông hạnh. Lại với hạnh như thế, do lời thêm lời, do tưởng đều tưởng, nên đặt ra mà nói là Lạc trì thông hạnh. Thế nên gọi là Lạc trì thông hạnh.

- Thế nào là Lạc tốc thông hạnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói có nhiều vị Bì-sô đã lìa dục và các pháp xấu ác chẳng thiện, rộng nói cho đến đã nhập vào tứ thiên mà an trụ đầy đủ ở đấy. Bấy giờ người này không còn nghĩ đến việc làm tổn hại mình, hại người hay cả mình - người đều bị hại, mà luôn nghĩ đến việc làm lợi mình, lợi người, làm lợi cho tất cả mọi người trong nhiều đời, luôn đem lại niềm vui vẻ an lạc cho tất cả. Luôn thương xót cõi thế gian mà tạo các việc có nghĩa lý, ích lợi an lạc cho hàng trời, người và không tổn hại cho tất cả.

Lạc (vui) nói trong này, là từ đó mà khởi lên, sinh ra sự sáng suốt, lạnh lợi mạnh mẽ đầy đủ về năm căn như tín v.v... Với năm căn sáng suốt lạnh lợi mạnh mẽ đầy đủ đó, nên giúp nhanh chóng chứng được lậu tận vô thượng.

Nói nhanh chóng (tốc), nghĩa là nhanh chóng mau lẹ dễ dàng giúp

cho chứng đắc mau lẹ.

Nói vô thượng, như Đức Thế Tôn nói: Đối với các pháp hữu vi và vô vi, Ta nói việc lìa nhiễm là cần thiết bậc nhất, đáng tôn quý nhất, cao tột nhất. Đối với pháp vô thượng thì hay được, tùy được, giỏi tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giỏi chứng được tác chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận, lậu tức là ba thứ lậu: Dục, hữu, vô minh. Đối với ba thứ lậu đó đều đã đoạn dứt hết, thật hết, đều hết, khắp hết, hết vĩnh viễn, đoạn trừ thật vẹn toàn.

Nói thông hạnh, nghĩa là với hạnh này, thì vượt thoát mạnh mẽ, siêng năng cần mẫn, ham muốn cao độ đối với bốn Thánh đế mà tu hạnh hiện rõ quán. Đối với các trí thần thông biến hóa mọi cảnh vật, trí thiên nhĩ thông (tai thần), trí hiểu biết sự sai khác của tâm mọi người (tha tâm thông), trí nhớ biết đầy đủ rõ ràng các đời quá khứ của mình và mọi người, trí thấu suốt mọi lẽ tử sinh, trí diệt trừ hết các lậu..., thì tu hành tác chứng. Đối với tham sân si, kiêu mạn, các cấu bần v.v..., thì tu hạnh đoạn trừ dứt hết. Vì rất mực cung kính, an trụ, ân cần trân trọng suy tư nên khắp nhiếp, làm chủ được mọi tâm sở. Do nhân tố đó, pháp môn đó, lý đó, tướng đó mà tu hạnh thông đạt, nên gọi là Lạc tốc thông hạnh. Lại với hạnh như thế, đối với ý nghĩa mong cầu, do tu tập và tu tập càng nhiều hơn nên hay được, giỏi tùy được, giỏi tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giỏi chứng được tác chứng, nên gọi đó là lạc tốc thông hạnh. Lại với hạnh như thế, do lời thêm lời, tưởng đều tưởng nên đặt ra mà nói là lạc tốc thông hạnh. Thế nên gọi là Lạc tốc thông hạnh.

Ở đây, nếu đối với khổ trì thông hạnh mà tu tập càng nhiều hơn lên, thì có thể khiến khổ tốc thông hạnh nhanh chóng được viên mãn. Nếu đối với lạc trì thông hạnh, mà tu tập và càng tu tập nhiều hơn lên, thì có thể khiến cho lạc tốc thông hạnh mau được viên mãn. Lại nếu đối với khổ trì thông hạnh kia mà tu tập và càng tu tập nhiều hơn lên thì có thể khiến cho lạc trì thông hạnh mau được viên mãn. Và nếu đối với, khổ tốc thông hạnh mà tu tập, tu tập càng nhiều mãi, thì có thể khiến cho lạc tốc thông hạnh mau chóng được viên mãn.

Phẩm 6: THÁNH CHỨNG

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với các Bí-sô: Có bốn Thánh chủng

(dòng giống Phật) này thật là quý báu, chính là dòng dõi thật đáng mến thích, vì ở hiện tại không hề có tạp bản cũng như chưa từng có và sẽ chẳng bao giờ tạp bản, tất cả Sa-môn hoặc Bà-la-môn, chúng Thiên Ma Phạm hoặc cõi thế gian khác không thể dùng pháp nào, cách gì mà chê bai nhục mạ được.

Những gì là bốn? Nghĩa là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Ta khi được người cúng dường y phục thì liền sinh hỷ tức (tri tức mừng cho là đủ), ca tụng khen ngợi tán thán hỷ tức, không bao giờ vì việc mong tìm y phục mà để cho thế gian chê cười. Nếu tìm có thì không hề buồn phiền than trách, dẫn đến việc ngóng cổ kiếm tìm, vượt ngục tức tối buồn phiền. Nếu khi tìm có rồi thì đúng pháp mà thọ dụng, không hề ham thích mê đắm đời, rồi tích chứa giấu giếm... Đến khi thọ dụng thì luôn nghĩ đến các lỗi lầm sai trái của mình và quyết lòng tính chuyện xuất ly giải thoát. Người này vì khi được y phục mà hỷ tức nên không bao giờ lên mặt khinh chê miệt thị kẻ khác, mà luôn luôn siêng năng tự khuyến răn khích lệ, luôn buộc niệm vào chánh tri. Đó gọi là an trụ vào Thánh chủng cổ xưa. Người đệ tử như thế khi được thức ăn uống liền sinh hỷ tức, rộng nói như trước đã kể. Người đệ tử như thế, khi được ngọa cụ giường nằm liền sinh hỷ tức, rộng nói như trước... Người đệ tử như thế, ái và lạc đã đoạn dứt, siêng năng chuyên cần tìm học phương cách đoạn trừ ái lạc ham muốn, và rất ưa thích việc tu tập siêng năng chuyên cần học hỏi về việc tu tập ái lạc. Vì như thế nên người đó đã tu tập đoạn trừ được ái lạc ham thích không bao giờ miệt thị khinh khi kẻ khác. Trái lại luôn siêng năng tự khích lệ mình thường buộc niệm vào chánh tri. Đó gọi là an trụ vào dòng dõi Hiền Thánh tự ngàn xưa. Đó là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Ta, luôn thành tựu được bốn thứ Thánh chủng như thế, nên khắp Đông Tây Nam Bắc này, những chỗ nào không ai thêm ở, nhưng người này lại có thể ở được, vì vui hay không vui, thích hay không thích, người ấy đều có thể chịu đựng được. Bây giờ, Thế Tôn muốn tóm tắt các nghĩa trước đây nên nói kệ:

*Dũng không ưa ở đó,
Người ấy ưa ở đó,
Không vui ưa cái ưa,
Người đó chịu đựng được.
Đã buông bỏ tham dục,
Không vật nào ngăn ngại,
Vàng ròng Nam Thiệm-bộ,
Thì ai khen chê được.*

Có bốn thứ Thánh chủng là cao quý.

Nói bốn thứ Thánh chủng đó là gì? Đó là tất cả Phật và các hàng đệ tử cùng chung một thi thiết là tối thắng.

Là dòng dõi, thì tất cả chư Phật cùng các hàng đệ tử đã từ xa xưa không phải là cùng dòng họ ở chung một nhà.

Thật đáng mến thích, thì bốn Thánh chủng này là tất cả chư Phật cùng các hàng đệ tử, từ xa xưa đến nay suốt cả ngày đêm, trong mọi thời gian đều mến thích chánh pháp.

Hiện không tạp nhiễm, là bốn Thánh chủng này trong hiện tại không làm những điều xấu ác, bất thiện, hoặc gần gũi những nơi sinh lây ô nhiễm của tội ác, không có tính chất lộn xộn, nhiễm bẩn, mà lại hay xa lìa chúng.

Chưa từng có tạp nhiễm là bốn Thánh chủng này, ở quá khứ không làm các điều xấu ác chẳng thiện hoặc gần gũi nơi sinh lây của tội ác, không có tự tánh lộn xộn nhiễm bẩn, mà lại hay xa lìa từ bỏ chúng.

Sẽ không bao giờ có tạp nhiễm, tức là bốn Thánh chủng này ở đời vị lai sẽ không hề làm các điều xấu ác, các pháp chẳng thiện, hoặc gần gũi nơi sinh lây của tội ác, không có tự tánh (tánh) lộn xộn, nhiễm bẩn, mà lại giỏi xa lìa từ bỏ chúng.

Cho nên các hàng Sa-môn v.v..., không thể dùng pháp nào, cách gì mà chê bai nhục mạ họ được, thì bốn Thánh chủng này không phải là tất cả chư Phật và hàng đệ tử, hoặc là các bậc Hiền Thánh cao quý, các bậc Thiện sĩ..., có thể chê bai hủy báng được. Nghĩa là các thánh chủng đó đối với những kẻ hạ tiện thấp kém và pháp chẳng thiện, mà tin theo làm theo là tự hại mình, hại người, hoặc mình và người đều tổn hại, lại hay tiêu diệt trí tuệ, hay ngăn trở các loại đó, làm chướng ngại Niết-bàn. Nếu hạng đó làm các pháp này (điều đó) thì không sinh trí tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không thể chứng được Niết-bàn.

Những Thánh chủng này không phải là pháp để hạng kia chế nhục hủy báng.

Khi tùy lúc có được y phục liền sinh hỷ tức, nghĩa là tùy lúc có được thứ y phục phấn tảo hay có được thứ y phục do thí chủ cúng dường, dù xấu hay đẹp đều sinh lòng hỷ tức, cầu được dùng để che thân, ngăn nóng lạnh mà thôi. Khen ngợi tán thán hỷ tức nghĩa là luôn khen ngợi rằng đối với việc có được y phục mà biết hỷ tức, đó là từ hỷ tức này sẽ dẫn đến suốt đời (trường đạ) thiếu dục hỷ tức, tánh giản dị để sống dễ đủ. Luôn giảm trừ các việc ác, thêm lớn các nghiệp thiện, nên nhanh chóng được viên mãn, có nhiều phước đức. Đối với các vật thường dùng luôn

biết chừng mực độ lượng, nên luôn khiến mình và người, thân tâm đều được nghiêm tịnh.

Thường luôn khen ngợi, tức là không nói nhiều, nói hoài, chỉ khi nào thấy việc đáng nói thì tùy trường hợp, tùy duyên mà nói, khiến người khác phải khâm phục, tôn trọng sự hỷ túc này vậy.

Không vì cầu tìm y phục mà khiến thế gian dè bĩu khinh khi, nghĩa là người đệ tử Phật không phải là loại người vì mong cầu y phục mà đến nhà thí chủ giả dạng oai nghi, bày lời nói năng biện luận, mạo tượng miệt mài đầu khổ chỉ là để dụ lợi, khiến cho người đời lấm lori dè bĩu khinh khi. Các hàng đệ tử Phật không thể giống với hạng này nên không bị người khác bàn tán chê cười.

Nếu cầu không được thì cũng không áo não buồn than, là đệ tử Phật khi mong cầu ăn mặc gặp lúc không được như ý thì cũng không hề áo não buồn than hoặc ngóng cổ trông mong, vỗ ngực tức tối buồn phiền, có nghĩa là lòng nóng nảy bứt rứt, đều nóng, nóng khắp, trong lòng giận hờn uất ức như kinh hoàng bỏng cháy, sầu lo hối hận, như tên độc bắn trúng tim, không biết phải xử sự ra sao, chỉ biết luôn luôn buồn phiền oán trách khẩn cầu tha thiết, gọi chung là áo. Than, nghĩa là tâm buồn rầu nóng nảy bực bội như thế rồi thì nghĩ: Ta không có y phục biết phải dùng phương cách nào mà tự cứu đây? Nhân đó mà phát ra vô số lời lẽ nói về ý nghĩ của mình, gọi chung là than thở.

Ngóng cổ mong tìm là buồn phiền than thở xong rồi, liền ngóng cổ mong sao thí chủ để ý đến (hoặc đổi ý cho thêm thứ tốt).

Vượt ngực buồn phiền, là đợi mãi mà chẳng có được, hết đường hy vọng nên đành vượt ngực buồn phiền. Các đệ tử của Phật thì không bao giờ làm các việc như thế. Nếu cầu được rồi thì đúng pháp mà thọ dụng, lòng không hề đắm trước ham thích mê mẩn, rồi giấu giếm tàng trữ chứa nhóm.

Nói là đắm mê đắm trước, đều là chỉ rõ tánh tham ái, dù trước hay sau, có nặng hay nhẹ, cũng phân biệt rõ ràng các ngôi thứ phân lượng.

Đến khi thọ dụng thì chỉ nghĩ đến các lỗi lầm tai họa, chỉ một lòng nghĩ đến chuyện xuất ly giải thoát, là các đệ tử Phật khi thọ dụng các thứ y phục có được, thì thường thấy những tai họa lỗi lầm. Nghĩa là những thứ y phục này luôn vô thường biến động. Khi mong tìm thì tổn biết bao công khó mệt nhọc, rồi thọ dụng không đúng pháp thì sinh nhiều tật bệnh, là các pháp mất mát hư hoại, là các sự thêm nhiều giảm bớt. Vì tạm được rồi lại mất đi, nhanh chóng không ngừng nghỉ. Xưa là không mà nay lại có, đã có rồi lại hoàn không, chẳng thể bảo đảm tin

cậy được. Lại khi thọ dụng thì chỉ nghĩ biết một việc là xuất ly. Luôn thành tựu việc tiến đến trí tuệ xuất ly giải thoát. Vì muốn chứng nhập Niết-bàn mà thọ dụng y phục này. Lại khi thọ dụng thì trước hết phải điều phục chế ngự tham dục, kế đến phải đoạn trừ tham dục, sau hết là thoát khỏi tham dục. Do nhân duyên này mà tâm lìa nhiễm và được giải thoát.

Người này do khi được y phục mà biết hỷ túc, không làm cao lên mặt khinh chê miệt thị người khác, là người đệ tử Phật này tuy đối với việc được y phục luôn biết hỷ túc nhưng không bao giờ lên mặt khi người, không giống như một kẻ ỷ mình có được hỷ túc mà kiêu ngạo phách lối khoe: Chỉ có ta biết thiếu dục hỷ túc như thế, chỉ có ta là không đòi hỏi biết tri túc, không lảm chuyện lảm điều, là kẻ ít sự việc, ít tạo tác, ít ham thích mê đắm nhất, chỉ có ta biết sống giản dị, dễ sống dễ đủ, luôn biết giảm thiểu các điều ác, thêm nhiều các nghiệp thiện. Nên mau được viên mãn trọn vẹn, có nhiều phước đức. Đối với các vật thường dùng luôn biết chừng mực độ lượng. Hay khéo vì người khác mà ca tụng ngợi khen pháp hỷ túc. Không như một số người do biết sống hỷ túc mà khinh thị người khác rằng: Mấy ông Bí-sô khác..., có ông nào biết sống thiếu dục hỷ túc đâu! Có ai mà ít đòi hỏi, ít việc ít điều đâu... rộng nói cho đến có ai biết vì người khác mà khen ngợi ca tụng pháp hỷ túc đâu!

Các hàng đệ tử Phật đều không bao giờ làm các việc đó, mà luôn luôn tự sách tấn, tự răn mình luôn buộc niệm vào chánh tri. Nghĩa là người đệ tử Phật đối với việc tùy nghi có được y phục thì biết hỷ túc, đúng như pháp mà thọ dụng, không hề đắm mê nhiễm trước, hay ngẫm nghĩ các lỗi lầm tai họa, luôn chánh tri lo việc giải thoát xuất ly. Không bao giờ khinh miệt người khác, lại thường siêng năng tự khuyến khích răn mình, luôn chánh niệm chánh tri.

Nói tự khuyến khích răn mình, tức là chỉ cho sự tinh tấn siêng năng, chuyên cần cố gắng.

Chánh tri, tức là chánh kiến, thấy biết đúng đắn.

Hệ niệm, tức là chỉ về chánh niệm.

Ở đây tóm lược chỉ rõ ba chi đạo của bảy giác chi nên gọi là an trụ.

Thánh chủng cổ tích (giống thánh ngàn xưa). Câu Thánh chủng cổ tích trước là chỉ cho các đệ tử Phật đã thành tựu điều phục được các nghiệp thiện, tâm ý an vui như trước đã nói. Còn Thánh chủng cổ tích sau là nói rõ rằng từ xưa đến nay tất cả các bậc Hiền Thánh đều nương

theo dòng Thánh như thế mà tu tập, tu tập thật nhiều thì mới đến được chỗ rốt ráo.

An trụ nói trong này, là nói về các đệ tử Phật đối với việc tùy lúc có được y phục mà biết hỷ túc, lại càng cố gắng tạo thêm nhiều điều thiện hữu lậu và đạo vô lậu, các thứ an trụ đều trụ, trụ khắp, trụ gần...

Người đệ tử như thế tùy nghi được ăn uống liền biết hỷ túc. Nghĩa là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật khi đi khát thực được các thức ăn uống, hoặc được mời thỉnh cúng dường mà được ăn uống, dù ngon hay dở cũng đều nên biết hỷ túc, chỉ là để nuôi thân cho qua cơn đói khát.

Rộng nói như trước, nghĩa là khen ngợi ca tụng, hỷ túc v.v... Rộng nói như trước đã nói về việc có được y phục mà biết hỷ túc.

Các vị đệ tử như thế, khi được ngoại cụ liền biết hỷ túc, là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật khi nhận được tọa cụ để trải bên gốc cây, hoặc để trải trong phòng xá lâu đài, dù tốt hay xấu đều nên sinh lòng biết hỷ túc. Đây là vật giúp thân khi quá mệt mỏi mà ngồi nằm nghỉ ngơi.

Rộng nói như trước, tức là khen ngợi pháp hỷ túc v.v..., cũng rộng nói như trước đã nói khi được y phục mà sinh lòng hỷ túc...

Các vị đệ tử như thế đoạn dứt ái dục v.v..., nghĩa là các hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật thường lo đoạn ái và tu ái. Luôn ham thích việc tu tập đoạn trừ, siêng năng chuyên cần tìm học các phương cách đoạn và tu ái lạc.

Thế nào là đoạn ái và tu ái? Nghĩa là nếu chưa đoạn trừ hết các pháp chẳng thiện, chưa tu tập các pháp thiện, nên không ham thích, không vô cùng ham thích các việc tu tập và đoạn trừ, do đó mà có việc ngóng cổ ráo dát trông chờ tìm kiếm. Còn như ai đã đoạn các nghiệp ác chẳng thiện, tu tập các pháp thiện, thì người này ham thích, rất ham thích các việc tu và đoạn, thành thử không có việc ngóng cổ trông chờ.

Thế nào là ham thích (nhạo) việc tu tập đoạn trừ? Nghĩa là rất ham thích việc đoạn trừ và tu tập, càng cố gắng thêm nhiều để siêng năng chuyên cần học tập. Do người này đã đoạn trừ và tu tập các ái lạc như thế, nhưng không bao giờ ỷ mình mà khinh người khác, nghĩa là người đệ tử Phật tuy đã đoạn trừ và tu tập các ái lạc, tuy đã siêng năng chuyên cần học hỏi, nhưng không bao giờ giống như một loại người chính vì sự ham thích và đoạn trừ này mà ỷ mình khoe rằng: Ta đã được thiếu dục hỷ túc, ít ham muốn đòi hỏi biết tri túc, không lăm việc lăm điều, rất ít bày đặt gây tạo hoặc đam mê đắm trước, dễ sống dễ đủ luôn giảm

bớt các điều ác, thêm lớn các việc thiện, ham thích ưa chuộng sự tu tập đoạn trừ, luôn siêng năng chuyên cần học tập việc đoạn trừ và tu tập các sự ham muốn ưa thích (ái lạc), chẳng phải như một loại người do sự ham thích việc tu và đoạn ái lạc đó mà dấy lên khinh chê người khác rằng: Các ông Bí-sô khác đều không hề biết thiếu dục hỷ tức là gì, hãy còn lăm sự nhiều việc..., rộng nói cho đến là biết ham thích việc tu tập và đoạn trừ, luôn cố gắng siêng năng chuyên cần học hỏi các việc đoạn trừ, tu tập các ham thích ái lạc. Các hàng đệ tử Phật đều không bao giờ làm các việc như thế, mà luôn tự khuyến khích mình, biết đúng nghĩ đúng, đó gọi là an trụ trong dòng Thánh chủng ngàn xưa, cũng rộng giải thích như trước về những sự khác nhau.

An trụ nói trong này là chỉ rõ cho các đệ tử Phật đối với việc đoạn trừ và tu tập các ái lạc, cố gắng tăng thêm nhiều các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, các thứ an trụ đều trụ, trụ khắp, trụ gần.

Phẩm 7: CHÁNH THẮNG, Phần 1

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm, trú nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn thứ Chánh thắng (bốn điều cao quý) đó là:

1. Các điều ác, chẳng thiện đã sinh ra, hãy đoạn trừ đi! Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng chuyên cần, luôn cố gắng giữ gìn, kiểm chế tâm mình.

2. Các điều ác, chẳng thiện chưa sinh ra, hãy khiến nó đừng sinh. Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng, luôn cố gắng giữ gìn, kiểm chế tâm mình.

3. Các điều thiện chưa sinh, phải khiến chúng sinh ra. Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng, luôn cố gắng giữ gìn, kiểm chế tâm mình.

4. Các điều thiện đã sinh rồi, nên kiên trì làm mãi không quên buông bỏ. Luôn tu tập đầy đủ, nuôi dưỡng cho nó tăng thêm mãi lên, đến được trí tuệ tác chứng rộng lớn mới thôi. Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng cố gắng giữ gìn, kiểm chế tâm mình.

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tóm tắt các nghĩa trên nên đọc kệ:

*Khi mới tu Chánh thắng,
Đã thắng được sinh tử,
Nếu tu đến bờ kia,*

*Thì dẹp tan quân ma.
Nhiều đức, lìa trần cấu,
Không bị duyên ác ngăn,
Đến Niết-bàn bờ kia,
Chúng cực lạc vô cực.*

1. Các điều ác chẳng thiện đã sinh rồi thì hãy đoạn trừ. Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng, luôn cố gắng giữ gìn, sách tấn khuyến nhắc tâm mình.

Hỏi: Thế nào là các điều ác chẳng thiện đã sinh rồi?

Đáp: Nghĩa là trong đời quá khứ và hiện tại có năm thứ màn che kín, đó là:

1. Tham dục.
2. Giận dữ.
3. Hôn trầm tùy miên.
4. Trạo cử ố tác.
5. Nghi ngờ.

Thế nào là các điều ác đã sinh hãy diệt trừ là pháp chánh thắng? Nghĩa là có thầy Bí-sô vì muốn diệt trừ màn tham dục đã sinh, nên đứng lý mà suy nghĩ: Cái màn che tham dục đó thật là quá tai ác lỗi lầm, đó là pháp chẳng thiện, chỉ có kẻ hạ tiện thấp hèn mới tin tưởng làm theo, còn Phật và đệ tử của Ngài, các bậc Thiện sĩ thì đều chán chê ghê tởm. Vì nó làm hại mình, hại người, hoặc mình và người đều hại. Nó tiêu diệt trí tuệ, làm trở ngại Bồ-đề, ngăn chướng Niết-bàn. Nếu ai làm các điều đó thì không sinh được trí tuệ sáng suốt, không tiến đến Bồ-đề, không chứng Niết-bàn. Suy nghĩ như thế rồi liền khởi dậy tánh siêng năng thế lực vô cùng mạnh mẽ, sức hăng hái khó ngăn, lòng cố gắng mãi không ngừng. Với con đường đó, đạo lý đó gọi là pháp Chánh thắng đoạn dứt các tham dục đã sinh. Người này với đạo lý đó mà tu tập, tu tập càng nhiều mãi lên thì đoạn trừ được các màn che tham dục đã sinh.

Khởi lòng ham thích, là để đoạn trừ màn tham dục đã sinh, liền khởi và sinh các thứ cần sinh khởi, tụ tập và xuất hiện các ý thích vui vẻ cầu mong tiến tới. Người này với các ý ham thích đó liền đoạn trừ được màn tham dục đã sinh.

Khởi dậy tánh siêng năng, là để đoạn trừ tham dục đã sinh nên khởi dậy tánh siêng năng, rộng nói cho đến lòng cố gắng không ngừng. Người này, do đó mà đoạn trừ được tham dục đã sinh.

Sách tấn khuyến khích tâm mình, là để đoạn trừ các tham dục đã sinh mà luôn siêng năng chuyên cần tu tập, lòng cùng làm với các thứ

vui mừng, khích lệ khuyến nhắc, với buông xả và định, nhưng không hề có mặt của sự hèn kém mê mờ. Người đó do tâm tu tập như thế, cho nên liền đoạn trừ được tham dục đã sinh.

Giữ gìn kiềm chế tâm là để cắt đứt màn tham dục đã sinh mà giữ tâm tu tập tám chi Thánh đạo, tức là từ Chánh kiến đến Chánh định. Người này do cách đó (đạo) mà giữ lòng tu tập, tu tập nhiều hơn, liền đoạn trừ được màn tham dục đã sinh.

Lại có vị Bí-sô vì đoạn trừ màn tham dục đã sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ: Xuất gia có công đức, sự xuất gia đó thật là pháp thiện, đó là điều rất đáng quý trọng tôn kính, nên tin hiểu thọ trì tuân làm, Đức Phật và các đệ tử, các bậc Thiện sĩ đều cùng vui mừng khen ngợi. Vì nó không làm hại mình, hại người, không hại cả mình và người mà khiến thêm lớn trí tuệ, không ngăn trí tuệ, không chướng ngại Niết-bàn thường sinh trí tuệ sáng suốt, hay dẫn đến Bồ-đề, hay chứng Niết-bàn... Suy nghĩ như thế rồi, liền khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng siêng năng không ngừng. Con đường đó, đạo lý này gọi là pháp Chánh thắng đoạn dứt được các tham dục đã sinh. Do con đường này, người ấy đã tu tập và càng tu tập nhiều mãi, nên đoạn trừ được màn tham dục đã sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến việc khích lệ tâm, giữ gìn kiềm chế tâm..., đều như trước đã nói...

Lại có vị Bí-sô vì muốn cắt đứt màn tham dục đã sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ: Màn tham dục ấy giống như bệnh ung nhọt, như khổ nạn của tên độc, luôn luôn là vô thượng, khổ, không, vô ngã, luôn chuyển động không ngừng, mệt mỏi rã rời, ốm yếu. Nó là pháp mất mát hư hoại, nhanh chóng không dừng, hư hao mục rã không thường còn, không thể bảo đảm tin tưởng được, nó là pháp luôn biến đổi hư hoại... Suy nghĩ như thế, nên khởi dậy tánh siêng năng..., Rộng nói cho đến lòng siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường đó, đạo lý đó gọi là pháp Chánh thắng đoạn trừ dứt hẳn màn tham dục đã sinh. Người đó với con đường ấy đã tu tập, càng tu tập nhiều mãi lên, liền đoạn dứt được màn tham dục đã sinh. Và khởi lòng ham thích..., cho đến khích lệ tâm, gìn giữ tâm, đều như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô, vì muốn đoạn trừ màn tham dục đã sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ rằng: Diệt là tịch tĩnh vắng lặng, còn đạo thì đưa đến việc xuất ly giải thoát. Suy nghĩ như thế nên khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng luôn siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng diệt trừ hẳn màn tham dục đã sinh... Người ấy đối với con đường đó đã tu tập và tu tập nhiều hơn, nên

liền đoạn trừ được tham dục đã sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến khích lệ tâm, kìm giữ tâm, đều như trước đã nói. Còn bốn thứ màn che kia (sân giận hôn trầm trạo cử v.v...) thì giống như tham dục đã nói. Chỉ có sự sai khác là thay vì nói tham dục thì nói là giận hờn, hôn trầm v.v...

Lại có vị Bí-sô vì muốn đoạn trừ tất cả các điều ác, chẳng thiện đã sinh, đúng lý mà suy nghĩ: Các điều ác chẳng thiện đó thật là tai quái tội lỗi. Nó là pháp chẳng thiện. Chỉ có kẻ hèn hạ thấp kém mới tin tưởng làm theo..., rộng nói cho đến không chứng Niết-bàn... Suy nghĩ như thế nên khởi dậy tánh siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường này gọi là pháp Chánh thẳng đoạn trừ hết tất cả các chủng loại xấu ác bất thiện. Đối với con đường đó người ấy đã tu tập và càng tu tập nhiều mãi lên, cho nên liền đoạn trừ được tất cả các chủng loại của những điều ác chẳng thiện đã sinh.

Khởi lòng ham thích là để đoạn trừ tất cả các điều ác chẳng thiện đã sinh, nên khởi đều khởi..., rộng nói cho đến mong cầu tiến lên... Người này đã sinh khởi các ham thích nên đoạn trừ được điều ác chẳng thiện đã sinh.

Khởi dậy tánh siêng năng, là vì muốn đoạn trừ tất cả chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh mà khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng nghỉ. Người này do đó liền đoạn trừ được hết các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh.

Khích lệ tâm là vì đoạn trừ tất cả chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, mà siêng năng chuyên cần tu tập, tâm cùng làm với mừng vui..., rộng nói cho đến tận cùng làm với định..., người ấy do tu tập cái tâm như thế, nên đoạn trừ được tất cả chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh.

Kìm giữ tâm là để đoạn trừ tất cả chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, mà giữ tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Đối với đạo lý này, người ấy giữ tâm tu tập, càng tu tập nhiều mãi lên, nên đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh.

Lại có vị Bí-sô muốn đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ: Xuất gia có công đức, xuất gia như thế là pháp thiện chân thật, là điều quý báu cao cả. Vậy nên tin hiểu và thọ trì tuân hành..., rộng nói cho đến giới chứng được Niết-bàn... Suy nghĩ thế rồi liền khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến tâm siêng năng mãi không ngừng. Con đường này gọi là pháp Chánh thẳng, đoạn trừ hết tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã

sinh. Do con đường này, mà người ấy tu tập và càng tu tập nhiều mãi lên, nên liền đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến khích lệ tâm, gìn giữ tâm, đều như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô vì muốn đoạn trừ tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ: Các điều ác bất thiện kia giống như bệnh ung nhọt độc, rộng nói cho đến nó là pháp biến đời hư hoại. Siêng năng như thế, nên khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường đó gọi là pháp Chánh thẳng đoạn trừ hết tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Với con đường này, người ấy đã tu tập và càng tu tập nhiều hơn mãi, nên liền đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến khích lệ gìn giữ tâm mình, đều như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô vì muốn đoạn trừ tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, nên đúng như lý mà suy nghĩ: Diệt là tịch tĩnh yên lặng, còn đạo thì có thể giúp ta xuất ly giải thoát. Suy nghĩ như thế rồi liền khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường này, gọi là pháp Chánh thẳng đoạn trừ hết tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Đối với con đường này, người ấy đã tu tập, càng tu tập nhiều mãi lên, nên liền đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến khích lệ, gìn giữ tâm, đều như trước đã nói.

